

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 – 11 – 2021  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Ông Phan Châu Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hồng T1 (tên khác: Đỗ Thị Hồng T1), sinh năm 1984 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn N1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T2, xã N2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Huỳnh Văn N1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 17/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N1 không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu, đi sớm về khuya làm cho vợ chồng xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, chị đã góp ý, gia đình đã

khuyến bảo anh N1 nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tháng 02/2020, anh N1 bỏ về nhà cha mẹ ruột anh N1 sống ly thân với chị. Ngày 12/10/2020, chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N1. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N1 hứa sửa đổi nên ngày 02/02/2021 chị rút đơn khởi kiện. Vợ chồng đoàn tụ được khoảng 10 ngày, anh N1 vẫn tiếp tục tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu, đi sớm về khuya. Khi chị góp ý thì anh N1 cự cãi, rồi bỏ về nhà cha mẹ ruột anh N1 tiếp tục sống ly thân với chị từ cuối tháng 02/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh N1.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị và anh N1 có với nhau 02 người con chung tên Huỳnh Thị Anh T3, sinh ngày 20/7/2008 và Huỳnh Phương N3, sinh ngày 22/4/2018, các cháu hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T3 và cháu N3, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Anh Huỳnh Văn N1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

#### **- Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Anh N1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh N1 theo thủ tục chung.

#### **- Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị T1 và anh N1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân do anh N1 không chí thú làm ăn, thường xuyên tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu,

không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Chị T1 và anh N1 có thời gian sống ly thân từ cuối tháng 02/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh N1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N1 không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị T1. Căn cứ vào lời trình bày của chị T1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị T1 và anh N1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh N1.

[2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị T1 và anh N1 có với nhau 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Anh T3, sinh ngày 20/7/2008 đã trên 13 tuổi và cháu Huỳnh Phương N3, sinh ngày 22/4/2018 đã trên 03 tuổi, hiện các cháu đang do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị T1. Xét nguyện vọng của cháu T3 sau khi cha mẹ ly hôn muốn được tiếp tục sống chung với chị T1, còn cháu N3 là trẻ em gái trong độ tuổi cần được sự chăm sóc ân cần của người mẹ. Do đó, để ổn định môi trường sống, đồng thời đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T3, cháu N3 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét chị T1 không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng cho các con là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng cho con; anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Hồng T1 (tên khác: Đỗ Thị Hồng T1) và anh Huỳnh Văn N1.

**2.** Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Huỳnh Thị Anh T3, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2008 và cháu Huỳnh Phương N3, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2018 cho chị Đỗ Thị Hồng T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Đỗ Thị Hồng T1 không yêu cầu anh Huỳnh Văn N1 phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Huỳnh Văn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đỗ Thị Hồng T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số N 0010952 ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Đỗ Thị Hồng T1, vắng mặt anh Huỳnh Văn N1. Báo cho chị T1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh N1 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã N2: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Cao Minh Tân**